政府

编号：15/2022/NĐ-CP

越南社会主义共和国

独立–自由–幸福

河内市，2022 年 01 月 28 日

议定

按照国会 2022 年 01 月 11 日第 43/2022/QH15 号决议有关经济-社会复苏及发展计划之年度财务、货币辅助政策规定免、减税政策

根据 2015 年 06 月 19 日政府组织法；2019 年 11 月 22 日修改、补充政府组织法及地方政权组织法若干条法；

根据 2008 年 06 月 03 日增值税法；2013 年 06 月 19 日修改、补充增值税法若干条法；2016 年 04 月 06 日修改、补充增值税法、特别消费税法及税务管理法若干条法；

根据 2008 年 06 月 03 日企业所得税法；2013 年 06 月 19 日修改、补充企业所得税法若干条法；

根据 2014 年 11 月 26 日修改、补充各税法若干条法；

根据 2019 年 06 月 13 日税务管理法；

根据国会 2022 年 01 月 11 日第 43/2022/QH15 号决议有关经济-社会复苏及发展计划之年度财务、货币辅助政策；

依财政部部长之建议；

按照国会 2022 年 01 月 11 日第 43/2022/QH15 号决议有关经济-社会复苏及发展计划之年度财务、货币辅助政策（以下称为第 43/2022/QH15 号决议）政府颁行规定免、减税政策之议定。

第 1 条、减增值税

1. 减增值税对于正适用 10% 税率之各货品、服务类，以下各货品、服务类除外：

a) 电信、金融活动、银行、证券、保险、经营不动产、金属及金属预制产品、采矿产品（不含开采煤炭）、焦炭、精炼石油、化工产品。明细附订于本议定第一附录。

b) 征特别消费税之商品及服务。明细附订于本议定第二附录。

c) 依信息技术法规之信息技术。明细附订于本议定第三附录。

d) 本条 1 款所规定各类商品、服务之减增值税事宜获统一适用于进口、生产、加工、经营贸易各环节。对于开采出售之煤炭（包括煤炭开采后再按照封闭流程筛选、分类、出售之场合）属于减增值税对象。依本议定附录一所列之煤炭产品，在开采销售以外之环节不得减增值税。

若附订于本议定第一、二、三附录属于不征增值税对象或依增值税法规定征 5%增值税之对象则依增值税法之规定执行及不得减增值税。

2. 减增值税额度

a) 依扣除方法计算增值税之经营单位对于本条 1 款规定之商品、服务获适用 8% 税率之增值税。

b) 依营业额百分比方法计算增值税之经营单位（包括经营户、经营个人）获减增值税之 20% 以计算增值税当开发票时对于本条 1 款规定之商品、服务获减增值税。

3. 实施程序、手续

a) 对于本条 2 款 a 点规定之经营单位，提供属于获减增值税对象之商品、服务，当开增值税发票时，在增值税行列写上“8%”；增值税税金；买者应付总金额。根据增值税发票，出售商品、服务之经营单位申报出项增值税，购买商品、服务之经营单位按照增值税发票上所载已减税金申报扣除进项增值税。

b) 对于本条 2 款 b 点规定之经营单位，提供属于获减增值税对象之商品、服务，当制立出售商品、服务发票时，在“金额”栏上填写足够减税前之商品、服务金额；在“商品、服务总金额” 行列写上已减营业额之 20%，同时备注“已减相应 20% 之金额等等以依第 43/2022/QH15 号决议计算增值税”。

4. 经营单位必须对获减增值税之商品、服务另外开具发票。若经营单位不为获减增值税之商品、服务另外开具发票就不得减增值税。

5. 若经营单位已开具发票并已按税率或百分比申报增值税未获按本议定规定减增值税，则买方与卖方必须制立记录或以书面协议说明错漏，同时卖方开具更正错误之发票并交更正发票给买方。根据更正发票，卖方申报调整进项税金（如有）。

6. 若经营商品、服务单位属于获减增值税对象已发行预印有面值之发票而未用完（如有）且有需求继续使用，则经营单位按增值税率减 2% 或在预印价格旁边盖上已减价 20% 印章以继续使用。

7. 本条规定之经营单位按照本议定附订附录四之 01 号表格申报获减增值税之商品、服务连同增值税申报表。

第 2 条、确定企业所得税课税收入时之获扣除费用

1. 按照企业所得税法规定之纳税人为企业、组织，对于以现金、实物支持、赞助在越南之 Covid-19 疫情防控活动之各款项通过本条第 2 款规定之接受支持、赞助单位，在确定 2022 年计税期企业所得税之课税所得时可抵扣于费用。

若母公司接受各成员单位之支持、赞助以集中进行支持、赞助活动，则母公司及各成员单位在确定企业所得税之课税所得时母公司及各成员单位可算于可抵扣之费用相应于母公司及每个成员单位之支持、赞助款项。母公司必须具备本条 4 款所述之支持、赞助记录或确认文件、资料。成员单位必须依法出具合法发票、单据，并有母公司对每个成员单位支持、赞助之确认文件。

2. 接受支持、赞助单位包括：各级越南祖国阵线；各医疗单位；武装力量单位；获政府权责机关指定为集中隔离单位之单位、组织；教育机构；新闻机构；各部、部级机构、政府直属机构；中央及地方各级党组织、青年团、工会、越南妇女联合会；具有筹款职能之各级地方政府机关、单位；各级 Covid-19 疫情防控基金；Covid-19 疫苗基金；国家人道电子通讯网站；依法设立、运作具有筹款职能之慈善、人道基金及组织。

接受支持、赞助之各单位有责任正确使用、分配所收到支持、赞助款项于 Covid-19 疫情防控活动。若接受支持、赞助单位使用支持、赞助不符合目的将被依法处理。

3. 直辖中央各省、市人委会指导地方各相关机关加强配合、交流，提供信息予税务机关、海关机关以严格管理，从严处理在支持、赞助活动提升价值、申报不合理价值之行为；配合严格管理商品、服务之买卖价格、提供商品、服务之发票及依法处理买卖合同价格、提供商品、服务发票之价格不符合实际。

4. 确定支持、赞助支出之档案包括：依本议定附录四 02 号表格之支持、赞助记录或确认文件、资料（纸质或电子形式）确认支持、赞助支出有企业、组织为支持、赞助单位代表人及接受支持、赞助代表之签名、盖章；附订法律规定以现金或实物支持、赞助之合法发票、单据。

第 3 条、 施行效力及组织实施

1. 本议定从 2022 年 02 月 01 日起生效。

本议定第 1 条获适用从 2022 年 02 月 01 日至 2022 年 12 月 31 日。

本议定第 2 条获适用于 2022 年企业所得税计税期。

2. 各部按照职责、任务及直辖中央各省、市人委会指导各相关机关展开宣传、引导、检查、监督以让消费者了解并得享受本议定第 1 条规定减增值税事宜之利益，其中集中属于减增

值税对象之稳定货物供需、服务各措施俾平稳市场价格（未含增值税之价格）从 2022 年 02 月 01 日截至 2022 年 12 月 31 日基本稳定如同 2022 年 02 月 01 日之前。

3. 在实施过程若衍生羁绊交予财政部引导、解决。

4. 各部长、部级机关首长、直辖政府机关首长、直辖中央各省、市人委会主席及各企业、相关组织、个人负责执行本议定。

收件：
- 党中央书记处;
- 政府总理、各副总理；
- 各部、部级机关、直辖政府机关；
- 直辖中央各省、市人民议会、人委会;
- 党中央及各处办公室;
- 总书记办公室;
- 国家主席办公室;
- 民族委员会及国会各委员会；
- 国会办公室;
- 最高人民法院；
- 最高人民检察院；
- 国家审计；
- 国家财政监察委员会；
- 社会政策银行；
- 越南发展银行；
- 越南祖国阵线中央委员会;
- 各团体之中央机关;
- 政府办公室：主任部长、各副主任、总理助理、电子通讯网总经理；各处、局、直属单位，公报;
- 留档：文书、经济综合（2 份)。

代表政府
代政府总理签
副总理
（已签名盖章）

黎明慨

~恒利翻译，谨供参考~

CHÍNH PHỦ **--------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: 15/2022/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2022*

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH MIỄN, GIẢM THUẾ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 43/2022/QH15 CỦA QUỐC HỘI VỀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA, TIỀN TỆ HỖ TRỢ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (sau đây gọi là Nghị quyết số 43/2022/QH15).

Điều 1. Giảm thuế giá trị gia tăng

1. Giảm thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ sau:

a) Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai

thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hoá chất. Chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

c) Công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin. Chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

d) Việc giảm thuế giá trị gia tăng cho từng loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này được áp dụng thống nhất tại các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thương mại. Đối với mặt hàng than khai thác bán ra (bao gồm cả trường hợp than khai thác sau đó qua sàng tuyển, phân loại theo quy trình khép kín mới bán ra) thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng. Mặt hàng than thuộc Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, tại các khâu khác ngoài khâu khai thác bán ra không được giảm thuế giá trị gia tăng.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ nêu tại các Phụ lục I, II và III ban hành kèm theo Nghị định này thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng hoặc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng 5% theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng thì thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và không được giảm thuế giá trị gia tăng.

2. Mức giảm thuế giá trị gia tăng

a) Cơ sở kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Cơ sở kinh doanh (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu được giảm 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng khi thực hiện xuất hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Đối với cơ sở kinh doanh quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, khi lập hoá đơn giá trị gia tăng cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng, tại dòng thuế suất thuế giá trị gia tăng ghi "8%"; tiền thuế giá trị gia tăng; tổng số tiền người mua phải thanh toán. Căn cứ hóa đơn giá trị gia tăng, cơ sở kinh doanh bán hàng hóa, dịch vụ kê khai thuế giá trị gia tăng đầu ra, cơ sở kinh doanh mua hàng hóa, dịch vụ kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào theo số thuế đã giảm ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng.

b) Đối với cơ sở kinh doanh quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, khi lập hoá đơn bán hàng cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng, tại cột "Thành tiền" ghi đầy đủ tiền hàng hóa, dịch vụ trước khi giảm, tại dòng "Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ" ghi theo số đã giảm 20% mức tỷ lệ % trên doanh thu, đồng thời ghi chú: "đã giảm...

(số tiền) tương ứng 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 43/2022/QH15".

4. Cơ sở kinh doanh phải lập hóa đơn riêng cho hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp cơ sở kinh doanh không lập hóa đơn riêng cho hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng thì không được giảm thuế giá trị gia tăng.

5. Trường hợp cơ sở kinh doanh đã lập hóa đơn và đã kê khai theo mức thuế suất hoặc mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng chưa được giảm theo quy định tại Nghị định này thì người bán và người mua phải lập biên bản hoặc có thỏa thuận bằng văn bản ghi rõ sai sót, đồng thời người bán lập hóa đơn điều chỉnh sai sót và giao hóa đơn điều chỉnh cho người mua. Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, người bán kê khai điều chỉnh thuế đầu ra, người mua kê khai điều chỉnh thuế đầu vào (nếu có).

6. Trường hợp cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng được giảm thuế giá trị gia tăng đã phát hành hóa đơn đặt in dưới hình thức vé có in sẵn mệnh giá chưa sử dụng hết (nếu có) và có nhu cầu tiếp tục sử dụng thì cơ sở kinh doanh thực hiện đóng dấu theo giá đã giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng hoặc giá đã giảm 20% mức tỷ lệ % bên cạnh tiêu thức giá in sẵn để tiếp tục sử dụng.

7. Cơ sở kinh doanh quy định tại Điều này thực hiện kê khai các hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng theo Mẫu số 01 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này cùng với Tờ khai thuế giá trị gia tăng.

Điều 2. Chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp, tổ chức là người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ bằng tiền, hiện vật cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 tại Việt Nam thông qua các đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ quy định tại khoản 2 Điều này.

Trường hợp công ty mẹ nhận khoản ủng hộ, tài trợ của các đơn vị thành viên để tập trung đầu mối thực hiện hoạt động ủng hộ, tài trợ thì công ty mẹ và các đơn vị thành viên được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng với khoản ủng hộ, tài trợ của công ty mẹ và từng đơn vị thành viên. Công ty mẹ phải có Biên bản hoặc văn bản, tài liệu xác nhận khoản chi ủng hộ, tài trợ nêu tại khoản 4 Điều này. Đơn vị thành viên phải có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật và có văn bản xác nhận của công ty mẹ về khoản ủng hộ, tài trợ của từng đơn vị thành viên.

2. Đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ bao gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; cơ sở y tế; đơn vị lực lượng vũ trang; đơn vị, tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ làm cơ sở cách ly tập trung; cơ sở giáo dục; cơ quan báo chí; các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; tổ chức đảng, đoàn thanh niên, công đoàn, hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam các cấp ở trung ương và địa phương; cơ quan, đơn vị chính quyền

địa phương các cấp có chức năng huy động tài trợ; Quỹ phòng, chống dịch Covid-19 các cấp; Quỹ vắc-xin phòng Covid-19; Cổng thông tin điện tử nhân đạo quốc gia; quỹ từ thiện, nhân đạo và tổ chức có chức năng huy động tài trợ được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật.

Các đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ có trách nhiệm sử dụng, phân phối đúng mục đích của khoản ủng hộ, tài trợ cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 đã tiếp nhận. Trường hợp đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ sử dụng sai mục đích của khoản ủng hộ, tài trợ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các cơ quan liên quan tại địa phương tăng cường phối hợp, trao đổi, cung cấp thông tin cho cơ quan thuế, cơ quan hải quan để quản lý chặt chẽ, xử lý nghiêm hành vi nâng giá trị, khai giá trị bất hợp lý trong hoạt động ủng hộ, tài trợ; phối hợp quản lý chặt chẽ giá mua bán hàng hóa, dịch vụ, hóa đơn cung cấp hàng hóa, dịch vụ và xử lý các trường hợp giá mua bán trên hợp đồng, giá trên hóa đơn cung cấp hàng hóa, dịch vụ không đúng với thực tế theo quy định của pháp luật.

4. Hồ sơ xác định khoản chi ủng hộ, tài trợ gồm có: Biên bản xác nhận ủng hộ, tài trợ theo Mẫu số 02 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này hoặc văn bản, tài liệu (hình thức giấy hoặc điện tử) xác nhận khoản chi ủng hộ, tài trợ có chữ ký, đóng dấu của người đại diện doanh nghiệp, tổ chức là đơn vị ủng hộ, tài trợ và đại diện của đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ; kèm theo hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật của khoản ủng hộ, tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2022.

Điều 1 Nghị định này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Điều 2 Nghị định này áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022.

2. Các bộ theo chức năng, nhiệm vụ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các cơ quan liên quan triển khai tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát đề người tiêu dùng hiểu và được thụ hưởng lợi ích từ việc giảm thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 1 Nghị định này, trong đó tập trung các giải pháp ổn định cung cầu hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng nhằm giữ bình ổn mặt bằng giá cả thị trường (giá chưa có thuế giá trị gia tăng) từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022 cơ bản ổn định so với thời điểm trước ngày 01 tháng 02 năm 2022.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc giao Bộ Tài chính hướng dẫn, giải quyết.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG

PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Minh Khái